

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG  
**ĐƠN VỊ: KẾ TOÁN KIỂM TOÁN**

**ĐỀ THI VÀ ĐÁP ÁN - LẦN 2**  
**THI KẾT THÚC HỌC PHẦN**  
**Học kỳ 2, năm học 2023-2024**

**I. Thông tin chung**

Tên học phần:	<b>Tài chính doanh nghiệp</b>		
Mã học phần:	71FINN30013	Số tín chỉ:	3
Mã nhóm lớp học phần:	232_71FINN30013_01		
Hình thức thi: <b>Trắc nghiệm kết hợp Tự luận</b>	Thời gian làm bài:	<b>75</b>	phút
<i>Thí sinh được tham khảo tài liệu:</i>	<input checked="" type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không	

**1. Format đề thi**

- Font: Times New Roman
- Size: 13
- Tên các phương án lựa chọn: **in hoa, in đậm**
- Không sử dụng nhảy chữ/số tự động (numbering)
- Mặc định phương án đúng luôn luôn là Phương án A ghi ANSWER: A
- Tổng số câu hỏi thi:
- Quy ước đặt tên file đề thi:
  - + **Mã học phần**\_Tên học phần\_Mã nhóm học phần\_TNTL\_De 1
  - + **Mã học phần**\_Tên học phần\_Mã nhóm học phần\_TNTL\_De 1\_Mã đề (*Nếu sử dụng nhiều mã đề cho 1 lần thi*).

**2. Giao nhận đề thi**

Sau khi kiểm duyệt đề thi, đáp án/rubric. **Trưởng Khoa/Bộ môn** gửi đề thi, đáp án/rubric về Trung tâm Khảo thí qua email: [khaothivanlang@gmail.com](mailto:khaothivanlang@gmail.com) bao gồm file word và file pdf (*nén lại và đặt mật khẩu file nén*) và nhắn tin + họ tên người gửi qua số điện thoại **0918.01.03.09** (Phan Nhất Linh).

- Khuyến khích Giảng viên biên soạn và nộp đề thi, đáp án bằng **File Hot Potatoes**. Trung tâm Khảo thí gửi kèm File cài đặt và File hướng dẫn sử dụng để hỗ trợ Quý Thầy Cô.

## II. Các yêu cầu của đề thi nhằm đáp ứng CLO

(Phần này phải phối hợp với thông tin từ đề cương chi tiết của học phần)

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO	Hình thức đánh giá	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Câu hỏi thi số	Điểm số tối đa	Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO/PI
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CLO1	<b>Giải thích</b> các quyết định tài chính doanh nghiệp dựa trên các chỉ số tài chính cơ bản	Trắc nghiệm	20%	1,2,3,4		PI 2.1 (I)
CLO2	<b>Tính toán</b> được thời giá tiền tệ, lãi suất, chi phí sử dụng vốn, các chỉ tiêu thẩm định hiệu quả tài chính của dự án để ra quyết định đầu tư.	Trắc nghiệm	30%	5,6,7,8 9,10		PI 3.3 (R)
CLO3	<b>Vận dụng</b> kỹ năng phân tích để lựa chọn các chỉ tiêu tài chính phù hợp trong việc ra quyết định tài chính; để đánh giá mức sinh lời, chi phí sử dụng vốn trong thẩm định tài chính của dự án đầu tư	Trắc nghiệm Tự luận	20%	11,12 13,14		PI 4.1 (R)
CLO5	<b>Rèn luyện</b> thói quen học tập chủ động (tự học, trao đổi ý kiến trong quá trình học tập), ý thức về công việc tài chính trong doanh nghiệp	Tự luận	30%	15,16,17 18,19,20		PI 10.1, (R)

### Chú thích các cột:

(1) Chỉ liệt kê các CLO được đánh giá bởi đề thi kết thúc học phần (tương ứng như đã mô tả trong đề cương chi tiết học phần). Lưu ý không đưa vào bảng này các CLO không dùng bài thi kết thúc học phần để đánh giá (có một số CLO được bố trí đánh giá bằng bài kiểm tra giữa kỳ, đánh giá qua dự án, đồ án trong quá trình học hay các hình thức đánh giá quá trình khác chứ không bố trí đánh giá bằng bài thi kết thúc học phần). Trường hợp một số CLO vừa được bố trí đánh giá quá trình hay giữa kỳ vừa được bố trí đánh giá kết thúc học phần thì vẫn đưa vào cột (1)

(2) Nêu nội dung của CLO tương ứng.

(3) Hình thức kiểm tra đánh giá có thể là: trắc nghiệm, tự luận, dự án, đề án, vấn đáp, thực hành trên máy tính, thực hành phòng thí nghiệm, báo cáo, thuyết trình, ..., phù hợp với nội dung của CLO và mô tả trong đề cương chi tiết học phần.

(4) Trọng số mức độ quan trọng của từng CLO trong đề thi kết thúc học phần do giảng viên ra đề thi quy định (mang tính tương đối) trên cơ sở mức độ quan trọng của từng CLO. Đây là cơ sở để phân phối tỷ lệ % số điểm tối đa cho các câu hỏi thi dùng để đánh giá các CLO tương ứng, bảo đảm CLO quan trọng hơn thì được đánh giá với điểm số tối đa lớn hơn. Cột (4) dùng để hỗ trợ cho cột (6).

(5) Liệt kê các câu hỏi thi số (câu hỏi số ... hoặc từ câu hỏi số... đến câu hỏi số...) dùng để kiểm tra người học đạt các CLO tương ứng.

(6) Ghi điểm số tối đa cho mỗi câu hỏi hoặc phần thi.

(7) Trong trường hợp đây là học phần cốt lõi - sử dụng kết quả đánh giá CLO của hàng tương ứng trong bảng để đo lường đánh giá mức độ người học đạt được PLO/PI - cần liệt kê ký hiệu PLO/PI có liên quan vào hàng tương ứng. Trong đề cương chi tiết học phần cũng cần mô tả rõ CLO tương ứng của học phần này sẽ được sử dụng làm dữ liệu để đo lường đánh giá các PLO/PI. Trường hợp học phần không có CLO nào phục vụ việc đo lường đánh giá mức đạt PLO/PI thì để trống cột này.

### III. Nội dung câu hỏi thi

#### **PHẦN TRẮC NGHIỆM (17 câu + 0,5 điểm/câu hỏi)**

##### **Câu 1:**

Quyết định nào sau đây **không phải là quyết định đầu tư?**

- A. Quyết định phát hành trái phiếu.
- B. Quyết định mua sắm một tài sản mới.
- C. Quyết định thực hiện một dự án.
- D. Quyết định thanh lý tài sản cũ.

ANSWER: A

##### **Câu 2:**

Với quy mô các tài sản được đầu tư như kỳ trước nhưng doanh thu của doanh nghiệp kỳ này cao hơn kỳ trước thì phát biểu nào sau đây là đúng?

- A. Vòng quay tài sản tăng.
- B. Tỷ số nợ tăng.
- C. Kỳ thu tiền bình quân tăng.
- D. Vòng quay tổng tài sản giảm.

ANSWER: A

##### **Câu 3:**

Với mức sinh lời đòi hỏi là 18%/năm khi đầu tư vào cổ phiếu công ty Y, nhà đầu tư định giá cổ phiếu này ở hiện tại là 32.000 đồng. Giá thị trường cổ phiếu này là 30.000 đồng. Vậy nhà đầu tư có nên mua cổ phiếu này không? Mức sinh lời kỳ vọng từ cổ phiếu này khi mua là bao nhiêu ?

- A. Mua cổ phiếu, mức sinh lời kỳ vọng cao hơn 18%/năm
- B. Mua cổ phiếu, mức sinh lời kỳ vọng là 18%/năm
- C. Mua cổ phiếu, mức sinh lời kỳ vọng thấp hơn 18%/năm
- D. Không nên mua cổ phiếu này vì không thỏa mãn yêu cầu của nhà đầu tư

ANSWER: A

##### **Câu 4:**

**Phát biểu nào dưới đây là SAI?**

- A.** Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp tăng làm chi phí sử dụng vốn trung bình của nguồn vốn có sử dụng nợ sẽ tăng
- B.** Chi phí phát hành cổ phần thường mới làm gia tăng chi phí sử dụng vốn cổ phần thường mới so với vốn lợi nhuận để lại
- C.** Vốn cổ phần thường mới được huy động sau khi doanh nghiệp đã sử dụng hết nguồn vốn lợi nhuận để lại mà chưa đáp ứng đủ nhu cầu vốn cổ phần
- D.** Quy mô vốn huy động càng tăng thì chi phí sử dụng vốn trung bình càng tăng

ANSWER: A

**Câu 5:**

Vốn đầu tư ban đầu là 250 triệu đồng. Lãi suất từ hoạt động đầu tư này được công bố là 10%/năm, ghép lãi theo kỳ 3 tháng. Thời gian đầu tư là 3 năm. Hãy xác định số tiền nhà đầu tư nhận được 1 lần sau 3 năm đầu tư?

- A.** 336,22 triệu đồng
- B.** 354,44 triệu đồng
- C.** 363,25 triệu đồng
- D.** 333,42 triệu đồng

ANSWER: A

**Câu 6:**

Vốn đầu tư ban đầu: 300 triệu đồng. Sau 3 năm đầu tư thì bổ sung thêm 100 triệu đồng. Thời gian đầu tư là 7 năm. Sau 7 năm, nhà đầu tư nhận được 1 lần với số tiền 900 triệu đồng. Hỏi: Hãy xác định mức sinh lời từ hoạt động đầu tư trên là bao nhiêu %/năm?

- A.** 13,62 %/năm
- B.** 12,28 %/năm
- C.** 12,62%/năm
- D.** 13,26%/năm

ANSWER: A

**Câu 7:**

Công ty Hồng Hà có số liệu sau:

- Vòng quay tổng tài sản = 1,2 vòng
- Doanh thu trong năm: 6.000 triệu đồng
- Lãi ròng trong năm: 500 triệu đồng

Hãy xác định **mức sinh lời trên tổng tài sản (ROA)** công ty Hồng Hà?

- A.** 10 %
- B.** 12 %
- C.** 15 %
- D.** 16 %

ANSWER: A

**Câu 8:**

Cho dữ liệu sau trong năm 2023:

Lợi nhuận hoạt động thuần sau thuế  $EBIT^*(1-t) = 40$  tỷ đồng

Khấu hao trong kỳ = 12 tỷ đồng

Tài sản dài hạn tăng thêm = 8 tỷ đồng

Tài sản ngắn hạn tăng thêm = 5 tỷ đồng

Vốn chiếm dụng tăng thêm = 6 tỷ đồng

Yêu cầu: Xác định **dòng tiền tự do (FCF)** của doanh nghiệp năm 2023 là bao nhiêu ?

- A. 45 tỷ đồng
- B. 40 tỷ đồng
- C. 42 tỷ đồng
- D. 36 tỷ đồng

ANSWER: A

**Câu 9:**

Công ty sử dụng vốn 3 tỷ đồng của năm qua từ khoản lợi nhuận để lại. Giá cổ phần thường hiện đang lưu hành ở mức 25.000 đồng. Năm qua, cổ tức được chia là 2.000 đồng. Dự kiến năm nay cổ tức được chia tăng thêm 1.000 đồng/CP, sau đó cổ tức kỳ vọng tăng trưởng đều ở mức 10%/năm. Tính chi phí sử dụng vốn từ khoản lợi nhuận để lại?

- A. 22 %
- B. 23 %
- C. 20 %
- D. 25 %

ANSWER: A

**Câu 10:**

Năm nay, công ty BB huy động vốn cho nhu cầu đầu tư mới với thông tin sau:

- Lợi nhuận để lại: 2 tỷ đồng, chi phí sử dụng vốn lợi nhuận để lại là 15%/năm
- Cổ phần thường mới 5 tỷ đồng, chi phí sử dụng vốn cổ phần thường mới phát hành là 16%/năm
- Vay nợ 3 tỷ đồng, chi phí sử dụng nợ trước thuế là 9%/năm
- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 20%

Vậy **chi phí sử dụng vốn trung bình** của nguồn vốn mới huy động là bao nhiêu ?

- A. 13,16 %
- B. 13,70 %
- C. 14,21 %
- D. 13,61 %

ANSWER: A

**Câu 11:**

Năm nay công ty có 4 dự án loại trừ nhau với rủi ro gần tương đồng nhau. Chi phí sử dụng vốn đầu tư vào các dự án này là 12%/năm. Công ty đủ vốn để đầu tư tất cả các dự án.

Dự án	A	B	C	D
Mức sinh lời	10%	12%	13%	15%

Vậy công ty nên chọn đầu tư vào dự án nào cho năm nay?

- A. Dự án D
- B. Dự án C và dự án D
- C. Dự án C
- D. Dự án B, dự án C và dự án D

ANSWER: A

**Câu 12:**

Phát biểu nào sau đây là **SAI**?

- A. Quy mô sử dụng vốn càng nhiều, chi phí sử dụng nguồn vốn đó càng giảm.
- B. Chi phí sử dụng vốn được tính sau thuế thu nhập doanh nghiệp.
- C. Chi phí sử dụng vốn được tính theo tỷ lệ %/năm.
- D. Chi phí sử dụng vốn phụ thuộc vào cấu trúc vốn.

ANSWER: A

**Câu 13:**

Chi phí sử dụng vốn trung bình **không** phụ thuộc vào:

- A. Mức sinh lời của dự án.
- B. Cơ cấu vốn.
- C. Thuế suất thuế thu nhập.
- D. Chi phí sử dụng vốn thành phần.

ANSWER: A

**Câu 14:**

Với dòng tiền ước tính của dự án, nếu suất chiết khấu dự án (hay chi phí sử dụng vốn) giảm thì:

- A. IRR không biến động
- B. IRR sẽ giảm.
- C. IRR sẽ tăng.
- D. Không có đủ cơ sở để nhận định.

ANSWER: A

**Câu 15:**

Một dự án đầu tư kéo dài trong 8 năm với thông tin sau:

- Vốn đầu tư tài sản cố định ban đầu: 1.500 triệu đồng, khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 6 năm. Vốn đầu tư tài sản lưu động ban đầu: 300 triệu đồng. Toàn bộ vốn lưu động được thu hồi đủ vào cuối năm kết thúc dự án.
- EBIT năm thứ 6 = 500 triệu đồng
- Thuế suất thuế thu nhập 20%.

Yêu cầu: Tính dòng tiền thuần cuối năm thứ 6 khi xây dựng dòng tiền thẩm định dự án là bao nhiêu?

- A. 650 triệu đồng
- B. 950 triệu đồng
- C. 400 triệu đồng
- D. 750 triệu đồng

ANSWER: A

**Câu 16:**

Tính thời gian hoàn vốn không chiết khấu (PP) của một dự án có thông số như sau: (đơn vị tính: triệu đồng):

Năm	0	1	2	3	4	5	6	7
Vốn đầu tư	1.000		300					
Thu nhập		400	300	300	250	250	300	400

- A. 4,2 năm
- B. 4,6 năm

- C. 3,5 năm  
 D. 3,8 năm  
 ANSWER: A

**Câu 17:**

Hai năm trước nhà đầu tư mua 1 bất động sản với giá 1,5 tỷ đồng. Sau 2 năm (là năm nay), nhà đầu tư bán lại bất động sản này với giá 2 tỷ đồng. Vậy nhà đầu tư đạt được mức lời bao nhiêu %/năm?

- A. 15,47 %  
 B. 15,74 %  
 C. 15,86 %  
 D. 15,00 %

ANSWER: A

**PHẦN TỰ LUẬN (3 câu hỏi + 0,5 điểm/câu)****Câu 18: (0,5 điểm)**

Khi có khoản chi phí phát hành trái phiếu hay cổ phần thường mới thì chi phí sử dụng nguồn vốn này sẽ biến động thế nào so với việc không có chi phí phát hành? Tại sao?

**Câu 19: (0,5 điểm)**

Đề xuất nào giúp nhà đầu tư giảm thiểu được rủi ro mang tính phi hệ thống? Tại sao đề xuất đó là hợp lý?

**Câu 20: (0,5 điểm)**

Doanh nghiệp NN đang xem xét đầu tư vào 2 dự án sau:

- Đầu tư vào dây chuyền sản xuất thức ăn gia súc
- Đầu tư vào dây chuyền sản xuất thuốc thú y

Cả hai dự án này đều sử dụng chung 1 suất chiết khấu và cho giá trị NPV dương. Trong đó, dự án sản xuất thức ăn gia súc cho giá trị NPV lớn hơn. Hiện tại công ty có thể huy động đủ vốn cho cả 2 dự án đầu tư, vậy công ty nên đầu tư vào dây chuyền nào? Tại sao?

**ĐÁP ÁN PHẦN TỰ LUẬN VÀ THANG ĐIỂM**

Phần câu hỏi	Nội dung đáp án	Thang điểm	Ghi chú
<b>I. Trắc nghiệm</b>		<b>8.5</b>	
Câu 1– 17	<b>ANSWER: A</b>	0.5	
<b>II. Tự luận</b>		<b>1.5</b>	
Câu 18:	<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Trả lời:</b> Khi có chi phí phát hành trái phiếu hay CPT mới thì chi phí sử dụng vốn từ các nguồn vốn này tăng lên</li> <li>- <b>Giải thích:</b> Vì cùng 1 trách nhiệm chi trả giống nhau nhưng số tiền nhận được từ việc phát hành 1 trái phiếu hay CPT mới giảm xuống do mất đi khoảng chi phí phát hành nên chi phí nguồn vốn này tăng lên.</li> </ul>	0.5	
Câu 19:	<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Trả lời:</b> Để giảm thiểu rủi ro mang tính hệ thống, nhà đầu tư nên chọn đầu tư đa dạng các loại chứng khoán (cổ phiếu, trái phiếu) theo nhiều nhóm ngành nghề khác nhau.</li> <li>- <b>Giải thích:</b> Vì rủi ro phi hệ thống chỉ xảy ra với doanh nghiệp này hay ngành này mà không xảy ra với ngành khác. Do đó, nhà đầu tư vẫn đảm bảo có lợi nhuận theo danh mục đầu tư đa dạng của mình.</li> </ul>	0.3  0.2	
Câu 20:	<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Giải thích:</b> Hai dự án trên là không cùng 1 mục tiêu vì sản phẩm của mỗi dự án là khác nhau nên chúng là 2 dự án độc lập nhau.</li> <li>- <b>Trả lời:</b> Cả 2 dự án đều có NPV dương và doanh nghiệp đủ vốn đầu tư nên sẽ chọn cả 2 dự án để đầu tư.</li> </ul>	0,2  0,3	
	<b>Điểm tổng</b>	<b>10.0</b>	

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2024

Người duyệt đề

Giảng viên ra đề




**TS. Phạm Thị Hồng Vân**

**TS. Phạm Thị Hồng Vân**